

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 292/2024/HS-ST
Ngày: 25-9-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng;

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tô Văn Nhung;

2. Bà Hoàng Lệ Chi.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tô Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 288/2024/HSST ngày 30 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 309/2024/QĐXX-ST ngày 13 tháng 9 năm 2024; đối với bị cáo:

1. Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1986 tại Thành phố Hà Nội; thường trú: Thôn X, xã T, huyện C, Thành phố Hà Nội; địa chỉ nơi ở: Số 4.01 Lô 5, khu B, Chung cư P, phường 15, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Tự do; trình độ học vấn: 12/12; giới tính: Nam; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1954 và bà Tô Thị T1, sinh năm 1955; vợ tên Nguyễn Thị H, sinh năm 1990, có 02 con (lớn nhất sinh năm 2010, nhỏ nhất sinh năm 2016);

Tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 14/3/2013, bị Tòa án nhân dân huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình xử phạt 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”, được trừ 20 ngày tạm giữ, tạm giam thời hạn còn lại phải chấp hành là 08 tháng 10 ngày. Thời gian thử thách là 16 tháng 20 ngày, thời gian thử thách tính từ ngày tuyên án. Đã đóng án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng theo Quyết định thi hành án số 197 ngày 18/4/2013 của Chi cục THADS huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đã chấp hành xong hình phạt tù án treo kể từ ngày 04/8/2014.

Bị cáo bị tạm giữ tạm giam từ ngày 16/4/2024 đến ngày 13/6/2024; từ ngày 13/6/2024 bị áp dụng biện pháp bảo lãnh, đến ngày 25/8/2024 bị áp dụng cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay. (Có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Trần Thị Ái Đ, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 38/9 N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, (có yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Trần Thị Ái Đ kinh doanh dịch vụ Thẩm mỹ viện B, địa chỉ Số 38/9 N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngoài ra, bà Đ còn góp vốn để kinh doanh Bất động sản với bà Trần Ngọc H1 (hiện đang bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Bình Dương khởi tố về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, bà Đ là bị hại). Để có tiền góp vốn theo yêu cầu của bà Huyền, bà Đ đã vay mượn tiền của nhiều người khác nhau. Cụ thể, từ khoảng tháng 02/2020 thông qua đối tượng tên M (hiện chưa rõ lai lịch, địa chỉ), giới thiệu bà Đ cho Nguyễn Tuấn A để vay tiền, cụ thể như sau:

Ngày 06/02/2020, Nguyễn Tuấn A trực tiếp đến Thẩm mỹ viện B tại địa chỉ Số 38/9 N, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương gặp và trao đổi với bà Đ về việc cho bà Đ vay tiền. Tuấn A cho vay dưới hình thức vay trả góp theo ngày, tiền vay sẽ được đưa trực tiếp hoặc chuyển khoản từ tài khoản số 19031339728015, tên NGUYEN TUAN A, Ngân hàng Techcombank của Tuấn A đến tài khoản số: 131488, tên TRAN THI AI D, Ngân hàng ACB của bà Đ. Mỗi ngày, tiền góp sẽ được bà Đ sử dụng tài khoản ngân hàng ACB của mình hoặc tài khoản số: 101000191133 tên TRAN THI AI D, ngân hàng Vietin Bank chuyển khoản đến tài khoản của Tuấn A. Ngoài ra, các thỏa thuận trao đổi và xác nhận các khoản tiền vay, tiền góp ngày thì Tuấn A sử dụng tài khoản Zalo tên “Tuấn A”, đăng ký bằng số điện thoại 0909960286 nhắn tin với tài khoản Zalo tên “Ái Đ”, đăng ký bằng số điện thoại 0903753989 của bà Đ. Cụ thể các khoản vay như sau:

- Khoản 1: Ngày 06/02/2020, bà Đ vay số tiền 500.000.000 đồng, Tuấn A đến trực tiếp Thẩm mỹ viện B đưa tiền cho bà Đ, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp số tiền 12.500.000 đồng, góp trong vòng 52 ngày cả gốc và lãi. Trong đó, Tuấn A trừ lại các khoản tiền gồm: 15.000.000 đồng (tiền dịch vụ 3%), trừ trước 02 ngày góp 25.000.000 đồng, thực tế Tuấn A đưa bà Đ số tiền 460.000.000 đồng. Lãi suất 0,5769%/ngày, tức 17,307%/tháng (gấp 10,37 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự). Khoản này bà Đ góp liên tục đến ngày 04/3/2020 thì bà Đ vay mới 500.000.000 đồng, Tuấn A trừ 25 ngày góp còn lại là 312.500.000 đồng vào khoản vay mới. Tức là khoản này đã thanh toán xong. Lãi suất cho phép chỉ 0,0556%/ngày, tương ứng 278.000 đồng/ngày và 14.456.000 đồng trong 52 ngày nhưng Tuấn A đã thu được 150.000.000 đồng tiền lãi, tiền lãi thu vượt mức là 135.544.000 đồng. Do vậy, tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay là 135.544.000 đồng + 15.000.000 đồng tiền dịch vụ = 150.544.000 đồng.

- Khoản 2: Ngày 22/02/2020, bà Đ vay 500.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp số tiền 15.000.000 đồng, góp trong 42 ngày là xong cả

gốc và lãi. Trong đó, Tuấn A trừ lại các khoản tiền gồm: 15.000.000 đồng (tiền dịch vụ 3%), trừ trước 02 ngày góp 30.000.000 đồng, cùng với 02 ngày của khoản vay ngày 06/02/2020, thực tế Tuấn A chuyển khoản cho bà Đ số tiền 430.000.000 đồng. Lãi suất 0,6190%/ngày, tức 18,57%/tháng (gấp 11,13 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ Luật Dân sự). Khoản vay này bà Đ đóng tiền góp liên tục đến ngày 18/3/2020 thì ngưng không đóng nữa, đã đóng được 25 ngày. Lãi suất cho phép chỉ 0,0556%/ngày tức 278.000 đồng/ngày và 6.950.000 đồng trong 25 ngày nhưng bị cáo A đã thu được 77.380.952 đồng tiền lãi, tiền lãi thu vượt mức là 70.430.952 đồng. Do vậy, tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này: 70.430.952 đồng + 15.000.000 đồng tiền dịch vụ = 85.430.952 đồng.

- Khoản 3: Ngày 04/3/2020, bà Đ vay 500.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp số tiền 12.500.000 đồng, góp trong vòng 52 ngày là xong cả gốc và lãi. Trong đó, Tuấn A có trừ lại các khoản tiền gồm: 15.000.000 đồng (tiền dịch vụ 3%), 25 ngày còn lại của khoản (06/02/2020) là 312.500.000 đồng, 01 ngày góp của khoản này là 12.500.000 đồng, 01 ngày góp của khoản (22/02/2020), tổng 355.000.000 đồng, thực tế bị cáo A chuyển khoản cho bà Đ 145.000.000 đồng. Lãi suất 0,5769%/ngày, tức 17,307%/tháng (gấp 10,37 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự). Khoản này, bà Đ góp liên tục đến ngày 18/3/2020 được 15 ngày thì không góp nữa. Lãi suất cho phép 0,0556%/ngày tức 278.000 đồng/ngày và 4.170.000 đồng trong 15 ngày nhưng Tuấn A đã thu được 43.269.231 đồng tiền lãi, tiền lãi thu vượt mức là 39.099.231 đồng. Do vậy, tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này: 39.099.231 đồng + 15.000.000 đồng tiền dịch vụ = 54.099.231 đồng.

- Khoản 4: Ngày 09/3/2020, bà Đ vay 500.000.000 đồng, hình thức vay trả góp, mỗi ngày góp số tiền 12.500.000 đồng, góp trong vòng 52 ngày là xong cả gốc và lãi. Trong đó, bị cáo A có trừ lại các khoản tiền gồm: 15.000.000 đồng (tiền dịch vụ 3%), 07 ngày tiền góp khoản 2 (ngày 22/02/2020) là 105.000.000 đồng, 07 ngày tiền góp của khoản 3 (ngày 04/3/2020) là 87.500.000 đồng. Thực tế bị cáo A chỉ chuyển khoản cho bà Đ số tiền 205.000.000 đồng. Lãi suất 0,5769%/ngày, tức 17,307%/tháng (gấp 10,37 lần mức lãi suất cao nhất của Bộ luật Dân sự). Khoản này bà Đ góp đến ngày 18/3/2020 thì không đóng nữa, đã góp được 10 lần. Lãi suất cho phép chỉ 0,0556%/ngày tức 278.000 đồng/ngày và 2.780.000 đồng trong 10 ngày nhưng bị cáo A đã thu được 28.846.154 đồng tiền lãi, tiền lãi thu vượt mức là 26.066.154 đồng. Do vậy, tiền thu lợi bất chính đối với khoản vay này là 26.066.154 đồng + 15.000.000 đồng tiền dịch vụ = 41.066.154 đồng.

Tổng số tiền Tuấn A thu lợi bất chính đối với các khoản vay nêu trên là 331.140.337 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiến hành khám xét nơi ở của Nguyễn Tuấn A, thu giữ các tài liệu gồm: 01 sổ hộ chiếu số B9658966 mang tên Nguyễn Thanh H2; 01 sổ hộ chiếu số: C3202210 mang tên Phan Tuấn K, 01 căn cước công dân số 025089003262 mang tên Nguyễn Đức T2; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số 099327 mang tên Trịnh Thị Ngọc P. Nguyễn Tuấn A

khai nhận tìm thấy được trong quá trình dọn nhà ở và của những người quen biết để quên chưa liên hệ được đề trả lại, đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe số 099327 là xe gia đình sử dụng nhưng đã bị mất nên còn giữ lại giấy này, tất cả tài liệu đều không liên quan đến hoạt động cho vay tiền.

Vật chứng thu giữ :

- 01 Sổ hộ chiếu số B9658966 mang tên Nguyễn Thanh H2; 01 Sổ hộ chiếu số: C3202210 mang tên Phan Tuấn K; 01 Giấy phép lái xe số 790048224172 mang tên Phan Tuấn K; 01 Căn cước công dân số: 025089003262 mang tên Nguyễn Đức T2; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 099327 mang tên Trịnh Thị Ngọc P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen, số sê ri: G6TDP91U0D92, gắn sim số: 0909960286 thu giữ của Nguyễn Tuấn A.

Tại Bản cáo trạng số 294/CT-VKS- DA ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết 01/2021/NQ - HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự để xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A mức án từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

* Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 Sổ hộ chiếu số B9658966 mang tên Nguyễn Thanh H2 thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra xác định giấy tờ là của chị Nguyễn Thanh H2, sinh năm 1995. Chị H2 khai nhận năm 2020 do quá trình thay đổi chỗ ở đã bị thất lạc cho đến nay. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Chị H2;

Đối với 01 Sổ hộ chiếu số: C3202210 mang tên Phan Tuấn K; 01 Giấy phép lái xe số 790048224172 mang tên Phan Tuấn K thu giữ trong vụ án, qua xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, ông Phan Tuấn K không có mặt tại địa phương nên không tiến hành làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục nắm giữ, làm rõ và xử lý sau.

Đối với 01 Căn cước công dân số: 025089003262 mang tên Nguyễn Đức T2 thu giữ trong vụ án, qua xác minh tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, ông Nguyễn Đức T2 không có mặt tại địa phương nên không tiến hành làm việc được. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục tạm giữ, làm rõ và xử lý sau.

Đối với 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe số: 099327 mang tên Trịnh Thị Ngọc P thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra, bà P khai nhận khoảng năm 2022

đã bán xe mô tô trên. Nguyễn Tuấn A mua để sử dụng nhưng vào năm 2022 đã bị mất trộm nên còn giữ lại Giấy chứng nhận đăng ký xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Tuấn A.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen, số sê ri: G6TDP91U0D92, gắn sim số: 0909960286 thu giữ của Nguyễn Tuấn A. Quá trình điều tra xác định điện thoại được bắt đầu bán từ ngày 13/10/2020 và Tuấn A mua lại để sử dụng vào năm 2022 nên không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Tuấn A.

Đối với điện thoại di động mà Nguyễn Tuấn A sử dụng để nhắn tin bằng ứng dụng Zalo với bà Đ thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2020 thì đã bị hư hỏng, Tuấn A đã vứt đi nên không thu hồi được.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Đối với số tiền thu lợi bất chính từ các khoản vay mà Nguyễn Tuấn A đã nhận được là 331.140.337 đồng, buộc Tuấn A nộp để trả lại cho người vay là bà Trần Thị Ái Đ;

Đối với số tiền Nguyễn Tuấn A dùng để cho vay (tiền gốc) nhưng đã thu được trong quá trình cho vay gồm: 500.000.000 đồng tiền gốc của khoản 1; 297.619.048 đồng tiền gốc của khoản 2 (đã thu được 25 ngày, mỗi ngày 11.904.761 đồng); 144.230.769 đồng tiền gốc của khoản 3 (đã thu được 15 ngày, mỗi ngày 9.615.384 đồng); 96.153.846 đồng tiền gốc của khoản 4 (đã thu được 10 ngày, mỗi ngày 9.615.384 đồng). Tổng cộng số tiền 1.038.003.663 đồng, buộc Tuấn A giao nộp để sung Ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 961.996.337 đồng Nguyễn Tuấn A dùng để cho vay (tiền gốc) mà bà Trần Thị Ái Đ chưa trả, yêu cầu bà Đ giao nộp để sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà Tuấn A đã thu được là 28.356.000 đồng, buộc Tuấn A giao nộp để sung ngân sách Nhà nước.

Trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát về điều luật áp dụng, khung hình phạt, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp đồng thời bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Dĩ An, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các

hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định.

Khoảng tháng 02/2020 đến tháng 03/2020, tại địa bàn thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương, bị cáo Nguyễn Tuấn A đã có hành vi cho bà Trần Thị Ái Đ vay 04 lần với tổng số tiền gốc cho vay là 2.000.000.000 đồng, mức lãi suất cho vay vượt quá 05 lần lãi suất cho phép của Bộ luật Dân sự với tổng số tiền thu lợi bất chính là 331.140.337 đồng.

Như vậy, hành vi của bị cáo Nguyễn Tuấn A đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Do đó, Cáo trạng số 294/CT-VKS- DA ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và kết luận của Kiểm sát viên đề nghị truy tố bị cáo Nguyễn Tuấn A là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến các quy định về quản lý hoạt động tín dụng của Nhà nước, xâm phạm đến quyền lợi ích hợp pháp của người khác. Bị cáo biết rõ hành vi cho vay với mức lãi suất vượt quá 5 lần mức lãi suất cao nhất cho phép của Bộ luật Dân sự là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi bị cáo đã cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện có xét đến vai trò của bị cáo, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đủ để cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo nhiều lần thực hiện hành vi cho vay lãi nặng, các lần thu lợi bất chính đều trên 30.000.000 đồng nên áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự và theo hướng dẫn tại nghị quyết 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 về hướng dẫn áp dụng Điều 201 của Bộ luật Hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã khắc phục được một phần hậu quả và là lao động chính trong gia đình, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về nhân thân: Bị cáo Nguyễn Tuấn A đã từng bị Tòa án xét xử về tội “Đánh bạc” nên cũng cần xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[7] Về hình phạt: Xét bị cáo Nguyễn Tuấn A tuy phạm tội ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nhưng bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần, bị cáo có nhân thân xấu. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng

ngừa chung. Xét mức hình phạt chính đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A đã đủ sức răn đe giáo dục bị cáo, hơn nữa bị cáo là lao động chính trong gia đình nên không phạt bổ sung đối với bị cáo.

[8] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Xét, quá trình thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã thu lợi bất chính nên cần buộc bị cáo nộp lại để trả cho bà Trần Thị Ái Đ số tiền 331.140.337 đồng;

- Đối với số tiền 28.356.000 đồng là khoản tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự mà bị cáo Nguyễn Tuấn A đã thu của bà Trần Thị Ái Đ nên cần buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A giao nộp lại để sung Ngân sách Nhà nước;

- Đối với số tiền 1.038.003.663 đồng Nguyễn Tuấn A dùng để cho vay (tiền gốc) nhưng đã thu được trong quá trình cho vay, cụ thể: 500.000.000 đồng tiền gốc của khoản 1; 297.619.048 đồng tiền gốc của khoản 2 (đã thu được 25 ngày, mỗi ngày 11.907.761 đồng); 144.230.769 đồng tiền gốc của khoản 3 (đã thu được 15 ngày, mỗi ngày 9.615.384 đồng); 96.153.846 đồng tiền gốc của khoản 4 (đã thu được 10 ngày, mỗi ngày 9.625.384 đồng). Tổng cộng số tiền 1.038.003.663 đồng, buộc Tuấn A giao nộp để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 961.996.337 đồng Nguyễn Tuấn A dùng để cho vay (tiền gốc) mà bà Trần Thị Ái Đ chưa trả, cần buộc bà Đ giao nộp để sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Pro màu đen, số sê ri: G6TDP91U0D92, gắn sim số 0909960286 thu giữ của Nguyễn Tuấn A. Quá trình điều tra xác định điện thoại được bắt đầu bán từ ngày 13/10/2020 và Tuấn A mua lại để sử dụng vào năm 2022 nên không liên quan đến vụ án. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Nguyễn Tuấn A là phù hợp.

- Đối với điện thoại di động mà Nguyễn Tuấn A sử dụng để nhắn tin bằng ứng dụng Zalo với bà Đ thực hiện hành vi phạm tội vào năm 2020 đã bị hư hỏng, Nguyễn Tuấn A đã vứt đi không còn sử dụng nữa nên không thu hồi được vì vậy không đề cập xử lý là phù hợp.

- Đối với 01 Sổ hộ chiếu số B9658966 mang tên Nguyễn Thanh H2 do bà Hiền làm thất lạc trong quá trình thay đổi chỗ ở nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Chị H2 là phù hợp.

- Đối với 01 Căn cước công dân số 025089003262 mang tên Nguyễn Đức T2 thu giữ trong vụ án, đối với 01 sổ hộ chiếu số C3202210 mang tên Phan Tuấn K, 01 giấy phép lái xe số 790048224172 mang tên Phan Tuấn K thu giữ trong vụ án. Qua xác minh ông Thắng và ông Kiệt không có mặt tại địa phương nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An tiếp tục tạm giữ, xử lý sau là phù hợp.

- Đối với 01 giấy chứng nhận đăng ký xe số 099327 mang tên Trịnh Thị Ngọc P thu giữ trong vụ án, quá trình điều tra, bà P khai nhận khoảng năm 2022

đã bán xe mô tô trên. Nguyễn Tuấn A mua để sử dụng nhưng vào năm 2022 đã bị mất trộm nên còn giữ lại giấy chứng nhận đăng ký xe trên. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An đã trả lại cho Tuấn A là phù hợp.

[9] Xét đề nghị của Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng, hình phạt, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo, xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tuấn A phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng điều 201 của Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tuấn A 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án được khấu trừ vào thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2024 đến ngày 13/6/2024.

Tiếp tục duy trì lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú số 82/2024/HSST-LCĐKNCT ngày 13 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương đối với bị cáo Nguyễn Tuấn A cho đến khi bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

2. Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A trả lại cho bà Trần Thị Ái Đ số tiền 331.140.337 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Tuấn A nộp lại 28.356.000 đồng và số tiền 1.038.003.663 đồng để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bà Trần Thị Ái Đ nộp lại số tiền 961.996.337 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Bị cáo Nguyễn Tuấn A phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- Công an thành phố Dĩ An (03);
- Chi cục THA thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Người tham gia tố tụng (02);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- THA hình sự (04);
- UBND xã, phường bị cáo thường trú (01);
- Phòng PV 06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PC 10 CA tỉnh Bình Dương (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hồng